

THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI BA BA TẠI XÃ HỒNG LẠC HUYỆN THANH HÀ TỈNH HẢI DƯƠNG

The current status of turtle production in Hong Lac commune, Thanh Ha district,
Hai Duong province

Phạm Kim Đăng¹

SUMMARY

A survey was carried out in Hai Duong province to identify the current status and marketing chains of turtle production. Producers and medium collectors were directly interviewed using questionnaires. Results showed that: (i) turtles had been raised since 1991; (ii) there were 146 households raising turtles at the moment with a total area of 4570 m². On the average, each household had 1,47 ponds (equivalent to 313 m²); (iii) turtles were mostly sold via middlemen (collectors). The majority of the produce was consumed domestically; (iv) the price was quite stable for the last few years. Turtle production had certain contribution to poverty reduction, hunger alleviation, income generation, and genetic conservation.

Keywords: Turtle, poverty reduction, income generation, genetic conservation

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ xa xưa, ba ba đã được coi là món ăn cao cấp, là thực phẩm quý để chế biến đặc sản truyền thống của Việt Nam, Trung Quốc và một số nước Châu Á khác. Nghề nuôi ba ba ở một số nước đã có từ lâu. Nhật Bản bắt đầu nuôi từ trước thế chiến thứ nhất, Trung Quốc, Đài Loan đã phát triển mạnh hơn 30 năm nay (Vương Kiện Hoa, Diệp Chính Dương, 1998). Hiện tại, ba ba được coi là một trong những thực phẩm quý hiếm, nên thị trường trong và ngoài nước đều rất coi trọng (Đức Hiệp, 1999).

Từ những năm 1970 ở nước ta do lạm dụng sử dụng các loại hoá chất trong sản xuất nông nghiệp và khai thác tự nhiên quá nhiều, làm mất cân bằng sinh thái nên ba ba tự nhiên trở nên hiếm. Khoảng mười lăm năm trở lại đây nghề nuôi ba ba xuất hiện và bước đầu đã có những thành công nhất định (Bộ Thủy sản, 1998).

Được sự tài trợ của Đại sứ quán Cộng hoà Pháp, dự án “FSD - Thanh Hà” đã hỗ trợ kỹ thuật cho các hộ nông dân với các mục đích: xoá đói giảm nghèo, tiến tới giúp nông dân làm giàu, bảo vệ các loại động vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng, lập lại cân bằng sinh thái, giảm sự ô nhiễm môi trường ao nuôi bằng cách thúc đẩy nghề nuôi ba ba có định hướng. Do vậy việc đánh giá thực trạng chăn nuôi ba ba tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là hết sức quan trọng và cấp thiết làm cơ sở cho chiến lược phát triển chăn nuôi bền vững.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung

- Điều tra thực trạng, qui mô chăn nuôi ba ba qua các năm ở xã Hồng Lạc - Thanh Hà
- Điều tra và xác định mạng lưới tiêu thụ ba ba thương phẩm
- Đánh giá tình hình giá cả qua các giai đoạn

¹ Khoa Chăn nuôi - Thú y, Trường ĐHNHI

THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI BA BA TẠI XÃ HỒNG LẠC...

2.2. Phương pháp

- Lập phiếu điều tra phỏng vấn tất cả các hộ nuôi ba ba trên địa bàn xã, các chủ thu gom ba ba để thu thập thông tin.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình phát triển chăn nuôi ba ba trên địa bàn xã Hồng Lạc huyện Thanh Hà

Qua kết quả điều tra chúng tôi có thể chia quá trình phát triển chăn nuôi ba ba trên địa bàn nghiên cứu làm 3 giai đoạn (bảng 1). Nghề nuôi ba ba tại xã Hồng Lạc bắt đầu xuất hiện từ năm 1991, người nuôi sớm nhất là ông Lê Văn Đạt xóm Bắc Thôn Đại Điền. Sau khi hộ đầu tiên thu được những thành công nhất định, một số hộ khác đã mạnh dạn đầu tư, kết quả sau 4 năm trên địa bàn có 26 hộ nuôi ba

ba. Giai đoạn từ 1996 - 2000 do có sự biến động về giá ba ba thương phẩm nên số hộ nuôi tăng thêm không đáng kể (37 hộ), chủ yếu phát triển nhanh vào nửa cuối năm 2000. Nhưng sang giai đoạn từ năm 2001-2003 phát triển rất mạnh (thêm 83 hộ). Đến nay tổng số hộ nuôi ba ba tại xã Hồng Lạc đã lên tới 146 hộ, nhưng tập trung chủ yếu ở xóm Bắc thôn Đại Điền. Đặc biệt, khi có sự hỗ trợ kỹ thuật của dự án số hộ nuôi đã tăng lên rõ rệt (trước khi có tác động của dự án chỉ có 87 hộ, chỉ sau 5 tháng dự án tác động số hộ nuôi là 146).

3.2. Hiện trạng chăn nuôi ba ba trên địa bàn xã Hồng Lạc huyện Thanh Hà

Qua số liệu điều tra cho thấy: bên cạnh sự tăng nhanh về số hộ nuôi ba ba thì qui mô

Bảng 1. Tình hình phát triển chăn nuôi ba ba giai đoạn từ năm 1991 đến năm 2003 trên địa bàn xã Hồng Lạc - Thanh Hà

| Năm bắt đầu nuôi | Thôn | Đại Điền (hộ) | Đông Hới (hộ) | Hải Yến (hộ) | Hải Hộ (hộ) | Tổng (hộ) |
|------------------|------|---------------|---------------|--------------|-------------|-----------|
| 1991 - 1995 | | 23 | 2 | 1 | | 26 |
| 1996 - 2000 | | 29 | 7 | | 1 | 37 |
| 2001 - 2003 | | 69 | 11 | 2 | 1 | 83 |
| Tổng | | 121 | 21 | 3 | 2 | 146 |

Bảng 2. Hiện trạng chăn nuôi ba ba trên địa bàn xã Hồng Lạc- Thanh Hà

| Các chỉ số | Thôn | Đại Điền | Đông Hới | Hải Hộ | Hải Yến | Tổng |
|--|------|----------|----------|--------|---------|--------|
| Số ao nuôi | | 170 | 35 | 6 | 3 | 214 |
| Số ao/ hộ | | 1,40 | 1,67 | 2,00 | 1,50 | 1,47 |
| Diện tích ao nuôi (m ²) | | 35141 | 7290 | 2330 | 940 | 45701 |
| Diện tích trung bình/hộ (m ² /hộ) | | 290,42 | 347,14 | 776,67 | 470,00 | 313,02 |
| Baba trên 2 năm tuổi (con) | | 5040 | 740 | 0 | 0 | 5780 |
| Baba từ 1 đến 2 năm tuổi (con) | | 18630 | 5080 | 1620 | 700 | 26030 |
| Baba dưới 1 năm tuổi (con) | | 21510 | 4200 | 400 | 0 | 26110 |
| Baba sinh sản (con) | | 1473 | 50 | 40 | 0 | 1563 |
| Số con giống nở 4 tháng đầu năm | | 28050 | 0 | 1500 | 0 | 29550 |

nuôi ba ba cũng ngày càng được mở rộng (bảng 2). Tổng số ao nuôi ba ba trên toàn xã là 214 ao, trung bình 1,4 ao/hộ. Tuy số hộ nuôi ba ba ở các thôn Hải Hộ, Đồng Hởi và Hải Yến ít nhưng so với thôn Đại Điền, số ao/hộ và diện tích trung bình ao nuôi/hộ tương ứng các thôn là: Hải Hộ (2 ao/hộ; 777,67 m²/hộ), Đồng Hởi (1,67 ao/hộ; 347,14 m²/hộ); Hải Yến (1,5 ao/hộ; 470,00 m²/hộ) cao hơn so với thôn Đại Điền (1,40 ao/hộ; 290,42 m²/hộ).

Tổng số ba ba thương phẩm toàn xã trên 2 năm tuổi là 5780 con, ba ba từ 1 đến 2 năm tuổi là 26030 con và dưới một năm tuổi hiện có đến thời điểm điều tra là 26110 con. Cần nói thêm tại thời điểm điều tra (tháng 7 năm 2003) là lúc các hộ đang tiếp tục đưa ba ba giống vào nuôi nên số lượng ba ba dưới 1 năm tuổi đến cuối năm sẽ còn tăng mạnh.

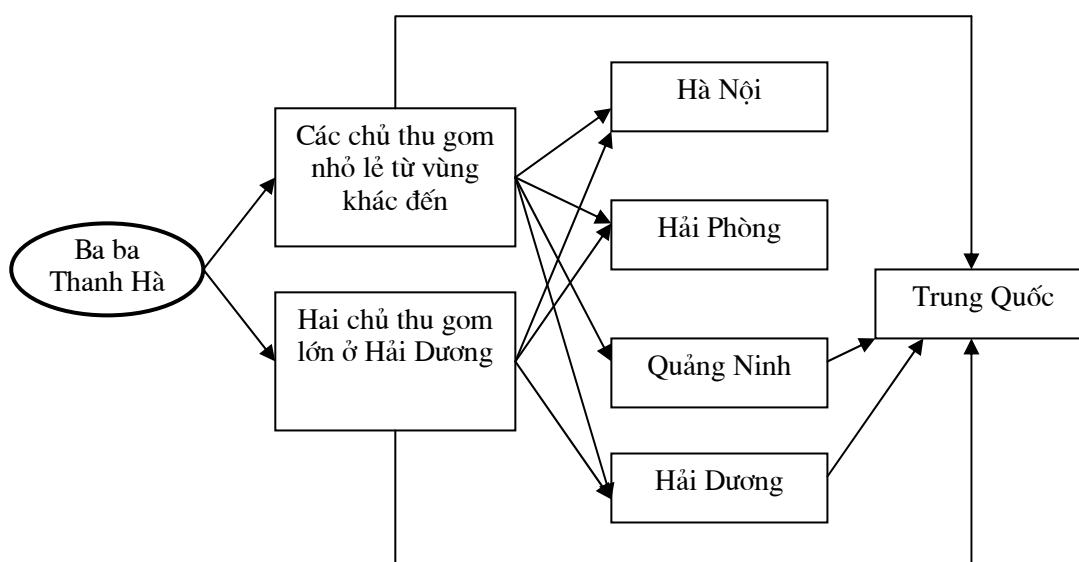
Ba ba bố mẹ sinh sản trên toàn xã là 1563 con, trong đó chủ yếu tập trung ở thôn Đại Điền (1473 con). Số con giống nở 4 tháng đầu vụ là 29550.

Như vậy, có thể thấy chăn nuôi ba ba trên địa bàn xã Hồng Lạc đã phát triển mạnh cả về qui mô và số lượng.

3.3. Mạng lưới tiêu thụ ba ba thương phẩm xã Hồng Lạc – Thanh Hà - Hải Dương

Ba ba thương phẩm của xã Hồng Lạc được tiêu thụ trên cả thị trường nội địa và thị trường Trung Quốc theo kênh gián tiếp (sơ đồ 1). Đối với thị trường Trung Quốc chủ yếu bằng con đường tiểu ngạch. Lượng ba ba được bán sang Trung Quốc tập trung vào những năm từ 1991 đến 1996. Sau đó giảm dần và đến nay là rất ít.

Hiện nay thị trường ba ba nội địa chiếm ưu thế, thị trường Trung Quốc tuy đã giảm rất nhiều nhưng sản phẩm ba ba xã Hồng Lạc nói riêng và các vùng lân cận nói chung chưa đủ để đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước. Điển hình như năm nay một số chủ thu gom phải nhập ba ba từ Đài Loan vào những tháng cao điểm.



Sơ đồ 1. Mạng lưới tiêu thụ ba ba thương phẩm xã Hồng Lạc - Thanh Hà - Hải Dương

THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI BA BA TẠI XÃ HỒNG LẠC...

Thị trường Hà Nội tiêu thụ ba ba mạnh nhất, tiếp theo là Hải Phòng, Quảng Ninh và Hải Dương. Điều đáng nói ở đây là tiêu thụ ba ba chủ yếu qua 2 chủ thu gom lớn ở thành phố Hải Dương sau đó được phân phối đến các thành phố lớn. Do đó, nhiều khi còn bị ép giá và đặc biệt là việc phân loại ba ba để định giá chỉ mang tính chất tương đối nên người chăn nuôi bị thiệt thòi là điều không tránh khỏi.

3.4. Tình hình biến động giá qua các giai đoạn

Về giá cả, chúng tôi phân chia theo các giai đoạn chính và có một số nhận xét như sau:

* Giai đoạn trước 1996 do thị trường chủ yếu là Trung Quốc, ba ba bán rất được giá, trung bình 420 ngàn đồng/kg, thời điểm cao nhất 480 ngàn đồng/kg với loại có khối lượng từ 0,5-0,9 kg. Thị trường nội địa trong giai đoạn này tiêu thụ rất ít nhưng nhu cầu với loại ba ba có khối lượng trên 1,3 kg cũng với giá tương đương giá bán thị trường Trung Quốc.

* Giai đoạn từ 1997-1998, có thể nói là giai đoạn khủng hoảng về giá có thời điểm giá chỉ còn 130 ngàn đồng/kg. Nguyên nhân do thị trường Trung Quốc giảm mạnh và khó khăn trong vấn đề lưu hành vận chuyển trên

thị trường. Chính vì thế, giai đoạn này số hộ nuôi tăng không đáng kể.

* Giai đoạn từ năm 1999 đến nay, sau khi thị trường Trung Quốc đóng băng người chăn nuôi quay sang tập trung cho thị trường nội địa và giá cả tương đối ổn định (bảng 3).

Cần nói thêm rằng, qua tính toán sơ bộ thì tuy giá bán giai đoạn trước năm 1996 cao hơn nhiều nhưng hiệu quả kinh tế cũng chỉ tương đương với giai đoạn hiện nay. Điều này có thể giải thích do trình độ nuôi, qui mô nuôi, khả năng tận dụng diện tích ao nuôi ngày càng được cải thiện nên ba ba lớn nhanh hơn, ít thất thoát hơn. Với giá như hiện nay thì mỗi kg ba ba người chăn nuôi lãi từ 100 đến 130 ngàn đồng.

4. KẾT LUẬN

Chăn nuôi ba ba trên địa bàn xã Hồng Lạc những năm qua có xu hướng phát triển mạnh. Bắt đầu từ năm 1991, phát triển mạnh nhất vào giai đoạn từ năm 2001 đến nay. Hiện nay, toàn xã có 146 hộ nuôi với tổng diện tích ao nuôi là 45701 m², diện tích ao trung bình/hộ là 313,02 m²/hộ, số ao trung bình/hộ là 1,47 ao/hộ.

Mạng lưới tiêu thụ chủ yếu qua kênh gián tiếp, thông qua các chủ thu gom. Chủ yếu là

Bảng 3. Giá ba ba thịt trên thị trường miền Bắc trong một số năm gần đây

| Loại | Đặc điểm | Giá bán (ngàn đồng/kg) | |
|------|----------------------------------|------------------------|-------------------|
| | | Tháng 6 - tháng 12 | Tháng 1 - tháng 4 |
| 1 | P > 1.3 kg, hình thức đẹp | 220 - 255 | 260 - 280 |
| 2 | 1 < P < 1.3, hình thức đẹp | 175-200 | 200-220 |
| 3 | 0,7 kg < P < 0,99, hình thức đẹp | 155 - 170 | 160 - 190 |
| 4 | 0,6 < P < 0,99, hình thức đẹp | 120 - 150 | 150 - 160 |
| Phế | < 0,6kg hoặc hình thức xấu | 50 - 90 | 90 - 110 |

Chú thích: hình thức đẹp: màu vàng sáng, không bị xây xát và không bị dị tật

Phạm Kim Đăng

thị trường nội địa và hiện nay tiềm năng thị trường này vẫn còn rất lớn. Tuy chưa có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nhưng đến nay người chăn nuôi và các chủ thu gom đã có sự thống nhất về phân loại cũng như giá cả.

Tình hình giá cả tuy có biến động do thay đổi thị trường vào năm 1997, 1998 nhưng mấy năm trở lại đây đã tương đối ổn định và người chăn nuôi có thể chấp nhận được.

Tài liệu tham khảo

Bộ thủy sản, Vụ nghề cá (1998). Tổng kết kỹ thuật nuôi ba ba ở Việt Nam. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

Đức Hiệp (1999). Kỹ thuật nuôi lươn vàng, cá chạch, ba ba. Nxb Nông nghiệp.

Vương Kiện Hoa, Diệp Chính Dương (1998). Nghiên cứu về bệnh ba ba và cách phòng trị. Nxb KHKT Nông nghiệp Trung Quốc.